TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 9 - 2019
V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lìn Thị Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà trần Thị Thu Hương.
2. Bà Trần Thị Thu Hương.

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1973.

ĐKHKTT: Thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, Lào Cai.

Nơi ở: Tổ dân phố số 4, thị trấn Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Điền - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 và bản tự khai ngày 28/3/2019 cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T trình bầy: Chị và anh Nguyễn Văn Điền tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên đánh, cãi nhau, mâu thuẫn giữa anh chị càng trở nên trầm trọng và không thể khắc phục được, anh Điền đã đuổi chị ra khỏi nhà từ tháng 6 năm 2016, năm 2017 chị đã nộp đơn ly hôn anh Điền tại Tòa án, vì con nên chị đã rút đơn về, tuy nhiên từ đó đến nay đến nay vợ chồng chị vẫn sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh Điền không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Điền.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Điền có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Thơm - sinh ngày 28/12/1991 và cháu Nguyễn Văn Huỳnh, sinh ngày 02/9/1993, cháu Huỳnh đã chết ngày 18/8/2016, còn cháu Thơm hiện nay khỏe mạnh phát triển bình thường và đã có gia đình riêng, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: trong thời gian chung sống anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung gồm:

- 01 mảnh đất tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai diện tích 3128 m^2 cấp năm 1996. Gồm có: đất ở, đất ruộng và đất vườn rừng. Trị giá đất khoảng 200.000.000 đồng. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 trị giá khoảng 250.000.000 đồng.

- 01 mảnh đất vườn rừng tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận , GCN QSDĐ số AD 522583, diện tích là 2.431m^2. Đất do UBND huyện Bảo Thắng cấp ngày 23/08/2005 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Điền. Trị giá đất khoảng: 20.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của anh chị khoảng 470.000.000 đồng.

Về công nợ chung: Tại thời điểm ly hôn vợ chồng chị không nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết chia cho chị và anh Điền theo quy định của pháp luật, chị có nhu cầu sử dụng nhà, đất ở, các tài sản khác để anh Điền sử dụng, chị có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Điền.

Ngày 22/4/2019 chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án chia công nợ chung cụ thể: Ngày 21/4/2016 chị và anh Điền có thế chấp tài sản chung của anh chị để vay vốn Ngân hàng nông nghiệp huyện Bảo Thắng số tiền 200.000.000đ, mục đích sử dụng tiền vay sửa chữa nhà ở. Khi đến hạn trả nợ anh Điền không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng nên cán bộ Ngân hàng đã đến gia đình chị lập biên bản về việc anh Điền không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng nên từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 6 năm 2018 chị đã tự mình trả nợ cho Ngân hàng số tiền 180.000.000đ, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Điền phải có trách nhiệm trả cho chị 1/2 số tiền mà chị đã trả nợ cho Ngân hàng.

Ngày 24/6/2019 chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xin rút một phần đơn khởi kiện đối với 02 thửa đất cụ thể:

- Thửa đất số 257 tờ bản đồ P58 đã được UBND huyện Bảo Thắng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 24/QĐ-UB ngày 21/01/1997 cho hộ ông Nguyễn Văn Điền diện tích đất 396m^2 đất trồng lúa nước. Hiện trạng đã đào ao do anh Đặng Đức Thịnh, thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận đang sử dụng. Lý do thửa đất số 257 diện tích 396m^2 đã đào ao do anh Đặng Đức Thịnh đang sử dụng là năm 2013 vợ chồng chị đổi thửa đất này cho anh Thịnh nhưng chưa làm thủ tục chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

- Thửa đất 230 tờ bản đồ số 2 diện tích 2.431m^2 mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, được UBND huyện Bảo Thắng cấp giấy chứng nhận quyền sử ngày 23/8/2005 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Điền, bà Nguyễn Thị T. Hiện trạng có 783m2 đất do anh Trần Văn Mạnh, trú cùng thôn đang trồng keo, phần

còn lại 1.648m2 trên đất gia đình chị trồng 23 cây keo, lý do anh Trần Văn Mạnh trồng keo trên 783m^2 là đất nằm trong diện tích 2.431m2 đất của gia đình chị. Nay do anh Nguyễn Văn Điền không hợp tác để cùng chị làm thủ tục chuyển đổi thửa đất 230 cho anh Đặng Đức Thịnh và không hợp tác với chị đề nghị cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục tách 783m2 đất cho gia đình anh Trần Văn Mạnh. Vì vậy chị xin rút một phần đơn khởi kiện đối với thửa đất số số 257 tờ bản đồ P58 và thửa đất số 230 tờ bản đồ số 2 diện tích 2.431m^2, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung cho chị và anh Điền đối với diện tích đất ở 400m^2; Đất trồng cây lâu năm 854m^2; 216m^2 đất trồng lúa nước, hiện trạng vợ chồng chị đã đổ đất để trồng cây hàng năm; Thửa đất số 60, 61 tờ bản đồ P58 có diện tích 470m^2 đất trồng lúa nước, hiện trạng vợ chồng chị đã đào ao; Thửa đất 369 tờ bản đồ P58 có diện tích 792m^2 đất trồng lúa, hiện trạng đã trồng lúa và toàn bộ nhà vật kiến trúc xây dựng trên đất ở đã được Hội đồng xem xét thẩm định và định giá theo biên bản định giá ngày 14/6/2019. Ngoài ra chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Điền phải có trách nhiệm trả lại cho chị 1/2 số tiền mà chị đã tự mình trả nợ cho Ngân hàng. Chị có nhu cầu sử dụng nhà, đất ở và 854m^2 đất trồng cây lâu năm. Các tài sản khác để anh Điền sử dụng, chị có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Điền.

Đối với anh Nguyễn Văn Điền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Điền, ngày 08/4/2019 anh Điền có viết bản tự khai nhưng không đầy đủ, nội dung bản khai, anh xác nhận ngày 26/11/1990 anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện về chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh chị sinh được hai người con chung cháu gái Nguyễn Thị Thơm, sinh năm 1991 và cháu trai Nguyễn Văn Huỳnh, sinh năm 1993, cháu Thơm đã xây dựng gia đình còn cháu Huỳnh đã chết vào ngày 18/8/2016. Trong quá trình chung sống anh chị rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, đến ngày 11/8/2015 thì anh được một căn nhà xây cấp 4, trong lúc anh xây nhà chị Thá không phụ giúp anh, tháng 5 năm 2016 chị Thá đã mang hết quần áo và 01 xe máy đi khỏi nhà.

Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập nhiều lần yêu cầu anh Điền đến làm việc nhưng anh Điền không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Các văn bản tố tụng tiếp theo Tòa án không tống đạt được cho anh Điền do anh Điền không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Điền đều vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đối với việc chia tài sản chung của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ gì. Anh Điền vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về việc chia tài sản chung. Do đó việc giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và chi tài sản chung được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Đối với vụ án này Toà án không hòa giải được về việc chia tài sản chung khi ly hôn, vì vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng đã xác định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án mở phiên tòa không chấp hành pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 điều 14, điều 16, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Điền là vợ chồng.

2. Về phân chia tài sản chung: Tổng giá trị tài sản chung vợ chồng là 473.323.785đ. Về nguyên tắc đây là tài sản được tạo lập trong quá trình chung sống như vợ chồng cả hai đều đóng góp công sức, tạo dựng đóng góp như nhau nên đề nghị HĐXX căn cứ vào công sức đóng góp, nhu cầu sử dụng tài sản để phân chia hợp lý các tài sản như: đất ở 400m2, các tài sản cố định gắn liền với đất ở nhà xây cấp 4 đổ hiên tây, mái tôn tường xây gạch bê tông không nung, cửa nhôm kính nền lát đá hoa, tường lăn sơn, cao 4m (có 01 phòng đổ mái bằng diện tích 11,55m^2) diện tích 95,91m^2 + 11,55m^2 = 107,46m^2 và các công trình phụ trợ gồm 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh; đất trồng cây lâu năm, đất ruộng lúa cho các đương sự để đảm bảo mỗi đương sự đều có chỗ ở, đất canh tác đều quyền lợi ngang nhau là 236.661.892đồng/ người. Trong trường hợp bên đương sự nào nhận tài sản nhiều hơn thì có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch còn lại cho bên hưởng ít hơn.

Về công nợ chung: Xác định chị Nguyễn Thị T đã trả khoản nợ chung tại Ngân hàng trong thời kỳ chung sống như vợ chồng là 180.000.000đồng. Buộc anh Nguyễn Văn Điền phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 90.000.000đồng.

- Tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Điền đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật, chị Thá và anh Điền đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa anh Nguyễn Văn Điền đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có ly do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản

3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Điền tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên đánh nhau và cãi nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016, năm 2017 chị đã nộp đơn ly hôn anh Điền tại Tòa án, vì các con nên chị đã rút đơn về, tuy nhiên từ đó đến nay đến nay vợ chồng chị vẫn sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Tại phiên tòa hôm nay chị Thá giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Điền. Anh Nguyễn Văn Điền vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ ngày 08/4/2019 anh Điền có viết bản tự khai, anh cũng xác nhận anh và chị Thá tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 26/11/1990, không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc chung sống của anh chị là bất hợp pháp, nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy xét yêu cầu ly hôn của chị Thá Hội đồng xét xử không chấp nhận được mà Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn văn Điền là vợ chồng, là có căn cứ phù hợp với Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Điền có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Thơm - sinh ngày 28/12/1991 và cháu Nguyễn Văn Huỳnh, sinh ngày 02/9/1993. Cháu Thơm hiện nay đã trưởng thành có gia đình riêng còn cháu Huỳnh đã chết ngày 18/8/2016, nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Điền có tạo dựng được những tài sản có theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 14/6/2019 gồm:

1. Thửa đất số 40 tờ bản đồ P58, đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền, diện tích: 1.254,0 m^2 ,trong đó đất ở nông thôn có diện tích là 400m^2 x 160.000đồng/m2 = 64.000.000đồng, trên đất ở có có 01 nhà xây cấp 4 đổ hiên tây, mái tôn, tường xây gạch bê tông không nung, cửa nhôm kính nền lát đá hoa, tường lăn sơn, cao 4m (có 01 phòng đổ mái bằng diện tích 11,55m^2) diện tích 95,91m^2 + 11,55m^2 = 107,46m^2 và các công trình phụ trợ gồm 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh, trị giá 280.913.987đồng.

- 01 sân xi măng có diện tích 41,61m2, trị giá 2.010.928đồng;
- Ngõ bê tông khối lượng 3,875m3, trị giá 5.166.770đồng;
- Đất trồng cây lâu năm 854,0 m^2, x 23.000đ/m2 = 19.642.000đồng. Trên đất trồng 110 cây quế; trong đó cây quế đường kính 8-13cm là 16 cây trị giá 992.000đồng, cây quế đường kính 5-8cm là 94 cây, trị giá 1.974.000đồng; 03 cây mít đường kính từ 30-35cm, trị giá 1.910.100đồng.

2. Thửa đất số 42 tờ bản đồ P58, đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I

665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền có diện tích: 216m^2 đất trồng lúa nước x 33.000đ = 7.128.000đồng. Hiện trạng: Đã đổ đất bằng trồng cây hàng năm.

3. Thửa đất số 60, 61 tờ bản đồ P58, đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền, tổng diện tích hai thửa là 470m^2 đất trồng lúa nước, trị giá 63.450.000đồng**.** Hiện trạng: Đã đào ao sâu bình quân 1m

4. Thửa đất số 369 tờ bản đồ P57, đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền có diện tích thửa đất 792m^2 đất trồng lúa nước, trị giá 26.136.000đồng. Hiện trạng: đã trồng lúa.

5. Thửa đất số 257 tờ bản đồ P58. đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền có diện tích thửa đất là 396m^2 đất trồng lúa nước,trị giá 53.460.000đồng. Hiện trạng: Đã đào ao anh Đặng Đức Thịnh đang sử dụng,.

6. Thửa số 230, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.431m^2 , mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 522583 ngày cấp 23/8/2005 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Điền, bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thửa đất TK246-2 (thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai). Hiện trạng: có một phần diện tích 783m^2 do anh Trần Văn Mạnh đang trồng keo, Phần diện tích còn lại 1.648m^2 trị giá 19.448.000đ, trên đất trồng 23 cây keo do gia đình chị Nguyễn Thị T trồng, trị giá 23 cây x 27.300đồng = 627.900đồng.

Tổng trị giá tài sản là 546.859.685đồng;

Ngày 24/6/2019 chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xin rút một phần đơn khởi kiện đối với 02 thửa đất cụ thể: Thửa đất số 257, trị giá 53.460.000đ và thửa đất số 230, trị giá 19.448.000đ cùng tài sản trên thửa đất số 230 là 627.900đồng. tổng cộng 73.535.900đồng, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản cho chị và anh Nguyễn Văn Điền có tổng giá trị là 473.323.785đồng**,** chị có nhu cầu sở hữu tài sản là nhà, vật kiến trúc được xây dựng trên diện tích đất ở nông thôn là 400m2 và quyền sử dụng 400m2 đất ở; 854m2 đất trồng cây lâu năm, trên đất trồng 110 cây quế; Các tài sản khác để anh Điền sử dụng và chị có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Điền. Hội đồng xét thấy đây là khối tài sản do chị Thá và anh Điền được tạo lập trong quá trình chung sống như vợ chồng cả hai đều đóng góp công sức, tạo dựng đóng góp như nhau, Vì thế chị Thá đề nghị Tòa án chia cho anh chị là có căn cứ; Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T có nhu cầu sở hữu tài sản là nhà, vật kiến trúc được xây dựng trên diện tích đất ở nông thôn là 400m2 và quyền sở hữu 400m2 đất ở; 854m2 đất trồng cây lâu năm, trên đất trồng 110 cây quế; Các tài sản khác để anh Điền sở hữu và chị có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Điền; Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án chị Thá cung cấp chứng cứ về hoàn cảnh của chị hiện nay ở địa phương chị không có người nhà thân thích, chị

phải đi thuê nhà ở tạm, chị có nhu cầu sở hữu nhà. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng nên Hội đồng xét xử cần giao nhà cho chị Thá là có căn cứ; Đối với đất ở Hội đồng xét xử không thể giao cả 400m2 đất ở cho chị Thá sử dụng mà cần giao cho chị Thá một phần đất ở có diện tích 247,2m2, trên đất có nhà và công trình phụ là phù hợp. Việc giao cho anh Nguyễn Văn Điền được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản gồm 152,8m2 đất ở, trên đất có ngõ đổ bê tông; 470m2 đất trồng lúa, hiện trạng đã làm ao; 792 m2 đất trồng lúa; 216 m2 đất trồng lúa, hiện trạng đã đổ đất thành mặt bằng, vẫn đảm bảo được nhu cầu canh tác và tạo dựng được nơi ở mới cho anh Điền. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung. Giao cho chị Thá được quyền sở hữu nhà và công trình phụ được xây dựng trên diện tích đất ở nông thôn, trị giá 280.913.987đồng; 01 sân xi măng trị giá 2.010.928đồng; quyền sử dụng 247,2m2 đất ở, trị giá 39.552.000đồng; 854m2 đất trồng cây lâu năm, trị giá 19.642.000đồng, trên đất trồng 110 cây quế và 03 cây mít, trị giá 4.876.100đồng. Tổng cộng 346.995.015 đồng. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Điền 110.333.122đồng. Giao cho anh Điền sử dụng 152,8m2 đất ở, trị giá 24.448.000đồng, trên đất có ngõ đổ bê tông trị giá 5.166.770đồng; 470m2 đất trồng lúa, hiện trạng đã làm ao trị giá 63.450.000đồng; 792 m2 đất trồng lúa, hiện trạng đã trồng lúa trị giá 26.136.000đồng; 216 m2 đất trồng lúa, hiện trạng đã đổ đất thành mặt bằng, trị giá 7.128.000đồng. Tổng cộng 126.328.770đồng, ngoài ra anh Điền được sử dụng số tiền chênh lệch tài sản do chị Thá thanh toán là 110.333.122 đồng. Tổng cộng tài sản chung chị Thá được sở hữu và sử dụng là 236.661.893đồng. Tổng cộng tài sản chung anh Điền được quyền sử dụng là 236.661.892đồng là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân gia đình.

Về công nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T, xác nhận tại thời điểm ly hôn chị và anh Điền không có công nợ chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngày 22/4/2019 chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa hôm nay chị Thá vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án chia công nợ chung cụ thể: Ngày 21/4/2016 trong quá trình chung sống chị và anh Điền có thế chấp tài sản chung của anh chị để vay vốn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Bảo Thắng số tiền 200.000.000đồng, mục đích sử dụng tiền vay trả tiền vật liệu và trả tiền công thợ xây nhà. Khi đến hạn trả nợ anh Điền không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng nên cán bộ ngân hàng đã đến gia đình chị lập biên bản về việc anh Điền không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng nên trong thời gian anh chị sống ly thân chị Thá đã vay mượn tự mình trả nợ cho Ngân hàng số tiền 180.000.000đồng, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Điền phải có trách nhiệm trả cho chị 1/2 số tiền mà chị đã trả nợ cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập chứng cứ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cung cấp, ngày 21/4/2016 anh Nguyễn Văn Điền là chủ hộ người thừa kế chị Nguyễn Thị T có thế chấp tài sản chung của anh chị để vay vốn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Bảo Thắng số tiền 200.000.000đ, mục đích sử dụng tiền vay sửa chữa nhà ở. Khi đến hạn trả nợ theo phân kỳ anh Điền, chị Thá không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng nên cán bộ Ngân hàng đã đến

gia đình anh chị Thá Điền lập biên bản về việc anh Điền, chị Thá không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng; trong thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 06 năm 2018 chị Thá đã tự mình trả nợ cho Ngân hàng số tiền 180.000.000đ, vì vậy xét yêu cầu chia công nợ chung đối với yêu cầu của chị Thá là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần buộc anh Nguyễn Văn Điền phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Thá số tiền 90.000.000đồng. Do chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Điền 110.333.122đồng nên cũng cần đối trừ cho chị số tiền 90.000.000đồng, do anh Điền phải trả cho chị, thì chị Thá còn phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh Điền số tiền là 20.333.122đồng.

Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị đã chi phí tạm ứng số tiền 5.000.000đồng, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Điền phải có trách nhiệm chịu 1/2 số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Thá là có căn cứ nên cần buộc anh Điền phải trả lại cho chị số tiền 2.500.000đồng, là phù hợp với Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 điều 14, Điều 16, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Điền.

2. Về tài sản chung:

Xử giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gồm:

+ Đất ở tại nông thôn thửa 40 phần A tờ bản đồ P58, diện tích 247,2m^2, tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền, trị giá 39.552.000đồng; Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 đổ hiên tây, mái lợp tôn và các công trình phụ gồm 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh, trị giá 280.913.987đồng; 01 sân xi măng có diện tích 41,61m^2, trị giá 2.010.928đồng;

- Phía Tây Bắc giáp phần diện tích đất vườn còn lại tại thửa đất số 40 có cạnh kích thước 18,4m.

- Phía Tây giáp phần còn lại tại thửa đất số 40 có cạnh kích thước 13,18m.

- Phía Nam giáp phần diện tích tiếp giáp (phần B) có cạnh kích thước 16,43m.

- Phía Đông giáp mương nước bê tông có cạnh kích thước (3,7m + 10,84m).

+ Đất trồng cây lâu năm diện tích 854,0 m^2, thửa số 40, tờ bản đồ P58, tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Đất đã được Ủy

ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền, trị giá 19.642.000đồng. Trên đất trồng 110 cây quế; trong đó cây quế đường kính 8-13cm là 16 cây trị giá 992.000đồng, cây quế đường kính 5-8cm là 94 cây, trị giá 1.974.000đồng; 03 cây mít đường kính từ 30-35cm, trị giá 1.910.100đồng.

- Phía Bắc giáp thửa đất số 34 mang tên ông Phạm Văn Cần.
- Phía Đông giáp đường bê tông.
- Phía Nam giáp thửa đất 52 bà Vũ Thị Hương đang sử dụng.
- Phía Tây giáp đồi chè của ông Đoàn Văn Vui đang sử dụng.

(Có trích lục thửa đất kèm theo)

Tổng cộng là 346.995.015đồng.

Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh Nguyễn Văn Điền là 110.333.122đồng.

Tổng trị giá tài sản chị Thá được sử dụng và sở hữu là 236.661.893đồng.

Giao cho anh Nguyễn Văn Điền được quyền sử dụng các tài sản sau:

+ Đất ở tại nông thôn thửa 40 phần B, tờ bản đồ P58, diện tích 152,8m^2, tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền, trị giá 24.448.000đồng; Trên đất có một ngõ bê tông khối lượng 3,875m3, trị giá 5.166.770đồng;

- Phía Bắc giáp phần diện tích tiếp giáp (phần A) có cạnh kích thước 16,43m.
- Phía Tây giáp phần còn lại tại thửa đất số 40 có cạnh kích thước 9,04m.
- Phía Nam giáp thửa đất số 52 có cạnh kích thước 13,1m.
- Phía Đông giáp mương nước bê tông có cạnh kích thước 12,03m.

(Có sơ đồ kèm theo).

+ Đất trồng lúa nước, thửa số 42 tờ bản đồ P58, diện tích: 216m^2 , tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền, trị giá 7.128.000đồng.

- Phía Bắc giáp thửa đất số 41 mang tên ông Nguyễn Văn Đồn.
- Phía Nam giáp thửa đất số 43 tờ bản đồ P58.
- Phía Tây giáp với đường giao thông bê tông.
- Phía Đông giáp mương nước.

(Có trích lục thửa đất kèm theo)

Hiện trạng: Đã đổ đất bằng trồng cây hàng năm.

+ Đất trồng lúa nước thửa đất số 60, 61 tờ bản đồ P58, diện tích 470m2, tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền, trị giá 63.450.000đồng;

- Phía Bắc giáp thửa đất số 55 tờ bản đồ P58.

- Phía Tây giáp thửa đất số 59 mang tên ông Nguyễn Văn Oong.

- Phía Nam giáp với thửa đất số 64, 65 của ông Phạm Văn Hạnh.

- Phía Đông giáp thửa đất số 62 tờ bản đồ P58.

(Có trích lục thửa đất kèm theo)

Hiện trạng: Đã đào ao sâu bình quân 1m**.**

+ Đất trồng lúa nước thửa đất số 369 tờ bản đồ P57, diện tích 792 m2, tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 665272, ngày 30/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Văn Điền,trị giá 26.136.000đồng;

- Phía Bắc giáp thửa đất số 237 tờ bản đồ P57 mang tên ông Nguyễn Hữu Lý.

- Phía Đông giáp thửa đất số 370, 375 tờ bản đồ P57.

- Phía Tây giáp với thửa đất số 368 tờ bản đồ P57 mang tên bà Lê Thị Hợi.

- Phía Nam giáp thửa đất số 378 tờ bản đồ P57.

(Có trích lục thửa đất kèm theo)

Tổng tổng cộng 126.328.770đồng

Anh Nguyễn Văn Điền được nhận khoản tiền chênh lệch về giá trị tài sản do chị Nguyễn Thị T thanh toán là 110.333.122 đồng; Anh Nguyễn Văn Điền phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền mà chị đã tự thanh toán trả nợ cho Ngân hàng là 90.000.000đồng, sau khi bù trừ nghĩa vụ của anh Điền đối với chị Thá thì chị Thá còn phải trả cho anh Điền số tiền 20.333.122đồng.

Tổng giá trị tài sản anh Điền được sử dụng và được quyền sở hữu là 236.661.892đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Điền mỗi người phải chịu 2.500.000đồng. Xác nhận chị Thá đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 5.000.000đồng. Anh Nguyễn Văn Điền phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 2.500.000đồng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và 11.833.095đồng tiền án phí chia tài sản. Tổng cộng là 12.133.095đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.175.000 đồng theo biên lai số 0007920 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Chị Thá còn phải chịu 5.960.095đồng.

Anh Nguyễn Văn Điền phải chịu 11.833.095 đồng tiền án phí chia tài sản.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng (2);
- UBND xã phú Nhuận;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lìn Thị Lài